CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU NHẬP CỦA HỘ GIA ĐÌNH Ở KHU VỰC NÔNG THÔN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

ThS. Nguyễn Quốc Nghi[1]
ThS. Trần Quế Anh[1]
TS. Bùi Văn Trịnh[2]

TÓM TẮT

Mục tiêu của nghiên cứu này là phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình ở khu vực nông thôn huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Số liệu của nghiên cứu được phỏng vấn trực tiếp từ 182 hộ gia đình ở khu vực nông thôn huyện Trà Ôn. Các phương pháp phân tích được sử dụng trong nghiên cứu này là thống kê mô tả và hồi qui tuyến tính đa biến. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tuy mức sống của người dân khu vực nông thôn ngày càng được cải thiện nhưng vẫn còn nhiều hộ gia đình có mức thu nhập khá thấp. Nguồn thu nhập chính của phần lớn hộ gia đình phụ thuộc vào nghề nông, vì thế mức thu nhập tương đối thấp và bấp bênh. Nhiều hộ gia đình có nhu cầu học thêm các ngành nghề để nâng cao thu nhập hoặc chuyển đổi nghề nghiệp. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn xác định các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập bình quân/người của hộ gia đình ở khu vực nông thôn là số nhân khẩu, kinh nghiệm làm việc của chủ hộ, độ tuổi của lao động, trình độ học vấn của chủ hộ và số hoạt động tạo ra thu nhập.

Từ khóa: Việc làm, thu nhập, hộ gia đình, khu vực nông thôn.

ABSTRACT

This study aims determinants of households's income in rural areas of Tra On district, Vinh Long province. Data were collected from direct interviews with 182 households in rural areas Tra district, descriptive statistics and multivariate linear regression. Research results show that although people's living standard in rural areas is increasingly improved, many households still get low income. The main income source of most households is from agriculture, so it is relatively low and unstable. Many families need to acquire necessary skills to raise income or change jobs. In addition, the study also identified factors that affect the average income per capita of households in rural areas which include demography, working experience of household's head, age of labor in households, education level of household's head and income-generating activities.

Keywords: Employment, income, households, rural areas.

1. Đặt vấn đề

Trà Ôn là một huyện của tỉnh Vĩnh Long, nằm về hướng đông, cách thành phố Vĩnh Long khoảng 40 km, diện tích tự nhiên là 265,3 km². Trà Ôn có điều kiện tự nhiên thuận lợi, đất đai màu mở rất phù hợp cho phát triển nông nghiệp toàn diện. Trà Ôn có 2 xã cù lao Lục Sỹ Thành và Phú Thành thuận lợi cho trồng cây ăn trái, nuôi trồng thuỷ sản, đặc biệt hiện nay phong trào nuôi cá tra xuất khẩu đang phát triển mạnh. Chợ nổi Trà Ôn nằm trên sông Hậu là đầu mối tiêu thụ, trao đổi hàng hoá nông sản. Từ thực tiễn cho thấy, Trà Ôn là một

[1]*GV, Khoa Kinh tế - QTKD, Đại học Cần Thơ.*
[2]*Giám Đốc Nhà Xuất Bản, Đại học Cần Thơ.*

huyện thuần nông, đa số người dân sống phụ thuộc vào nghề nông, trong khi đó quỹ đất nông nghiệp có hạn, dân số ngày càng tăng, chất lượng lao động còn thấp, năng suất lao động chưa cao từ đó dẫn đến thu nhập của phần đông hộ gia đình ở khu vực nông thôn còn khá thấp, đời sống vật chất còn nhiều khó khăn. Thực trạng đó đặt ra một áp lực lớn cho việc phát triển kinh tế - xã hội huyện Trà Ôn. Vì thế, nghiên cứu *"Các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình ở khu vực nông thôn huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long"* là rất cần thiết nhằm cung cấp những cơ sở khoa học cho các cơ quan hữu quan đề ra chính sách hỗ trợ, tạo việc làm và cải thiện thu nhập cho người dân ở khu vực nông thôn, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện ngày càng toàn diện hơn.

2. PHƯƠNG TIỆN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết lập mô hình nghiên cứu

Theo Park S.S (1992), năng suất lao động là điều kiện để thay đổi thu nhập. Các yếu tố tác động đến năng suất lao động cũng chính là tác động đến thu nhập. Lewis (1995), Oshima (1995), Randy Barker (2002) cho rằng các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất lao động nông nghiệp bao gồm trình độ kiến thức nông nghiệp và mức độ đa dạng hóa hoạt động tạo thu nhập (Đinh Phi Hổ, 2008). Thông qua lược khảo một số nghiên cứu của các tác giả Mehdi Yadollahi và ctv (2009), Mai Văn Nam (2009), Huỳnh Trường Huy và Ông Thế Vinh (2009), Nguyễn Quốc Nghi (2011), Đinh Phi Hổ (2011), Vũ Ánh Tuyết (2007), nhóm nghiên cứu nhận định một số nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình bao gồm: số nhân khẩu, kinh nghiệm làm việc, trình độ học vấn của chủ hộ, số hoạt động tạo thu nhập và độ tuổi của lao động. Đồng thời, qua khảo sát thực tế, nhóm nghiên cứu thiết lập mô hình hồi qui tuyến tính xác định các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập bình quân của hộ gia đình ở khu vực nông thôn huyện Trà Ôn như sau:

$$LnY = B_0 + B_1LnX_1 + B_2LnX_2 + B_3LnX_3 + B_4LnX_4 + B_5LnX_5$$

Trong đó: Biến phụ thuộc Y là thu nhập bình quân/người/tháng. Các biến X_1, X_2, X_3, X_4, X_5 là các biến độc lập (biến giải thích).

Bảng 1: Diễn giải các biến độc lập trong mô hình hồi quy tuyến tính

Biến số		Diễn giải	Căn cứ chọn biến	Kỳ vọng
NHANKHAU	X_1	Số nhân khẩu trong hộ, nhận giá trị tương ứng với số người trong hộ	Mai Văn Nam, 2009; Vũ Ánh Tuyết, 2007	-
KINHNGHIEM	X_2	Kinh nghiệm làm việc của chủ hộ, nhận giá trị tương ứng với số năm làm việc của chủ hộ	Huỳnh Trường Huy và Ông Thế Vinh, 2009	+
TDHVCHUHO	X_3	Trình độ học vấn của chủ hộ, nhận giá trị 0 nếu chủ hộ mù chữ và giá trị 1,2,3 nếu chủ hộ học cấp 1,2,3.	Mehdi Yadollahi, Laily Hj Pai và ctvMumtTurima, 2009; Mai Văn Nam, 2009; Đinh Phi Hổ và Huỳnh Sơn Vũ, 2011.	+
HOATDONG	X_4	Số hoạt động tạo thu nhập, nhận giá trị tương ứng với số hoạt động tạo ra thu nhập của hộ	Vũ Ánh Tuyết, 2007; Nguyễn Quốc Nghi, 2011; Đinh Phi Hổ, 2010	+
DOTUOILD	X_5	Độ tuổi của lao động, nhận giá trị trung bình theo tuổi của các nhân khẩu trong tuổi lao động của hộ	Mehdi Yadollahi,Laily Hj Pai và ctvMumtTurima, 2009; Nguyễn Quốc Nghi, 2011	+

2.2. Phương pháp thu thập số liệu

Thông tin sơ cấp của đề tài được thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp các chủ hộ ở khu vực nông thôn huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Cuộc điều tra được nhóm nghiên cứu tiến hành trong tháng 4 năm 2011. Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng được sử dụng để thu thập số liệu với các tiêu chí như: Địa bàn, qui mô gia đình, đặc điểm sinh kế. Tổng số mẫu điều tra là 182 hộ gia đình tại các xã Vĩnh Xuân, Thuận Thới, Tích Thiện, Tân Mỹ, Thiện Mỹ.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Một số đặc điểm của hộ gia đình ở khu vực nông thôn huyện Trà Ôn

Qua phân tích kết quả khảo sát cho thấy, có đến 78,8% số hộ được điều tra là dân tộc Kinh, còn lại 21,2% là dân tộc Khmer. Số chủ hộ có giới tính nam chiếm 75,4%, còn lại là 24,6% chủ hộ có giới tính nữ. Tuổi của chủ hộ trung bình là 40 tuổi, thấp nhất là 22 tuổi và cao nhất là 65 tuổi. Với kết cấu độ tuổi như vậy thì người trụ cột trong gia đình sẽ có nhiều kinh nghiệm hơn trong việc quản lý và lựa chọn sinh kế cho cả gia đình. Kết quả khảo sát còn cho thấy, trình độ học vấn của chủ hộ tuy đã được cải thiện nhưng vẫn còn thấp, cụ thể, 37% chủ hộ có trình độ cấp 2, 31% có trình độ cấp 3, chỉ có 8,89% chủ hộ có trình độ đại học, 3,33% có trình độ cao đẳng và 1,11% lao động có trình độ trung cấp. Bên cạnh đó, số hộ tham gia vào hội Nông Dân chiếm 23,3% và hội Phụ Nữ chiếm 36,7%, đây là một yếu tố tích cực trong việc triển khai các chương trình hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ kinh tế, góp phần xóa đói giảm nghèo cho địa phương. Qua kết quả điều tra còn cho thấy, trung bình mỗi hộ có khoảng 3 nhân khẩu trong độ tuổi lao động, thấp nhất là 2 người và cao nhất là 8 người. Những gia đình có đông nhân khẩu thường là những gia đình có nhiều thế hệ cùng chung sống. Vì vậy, một số hộ gia đình có đến 4 người phụ thuộc bao gồm những người già và những người trong độ tuổi đi học.

Bảng 2: Đặc điểm của hộ gia đình khu vực nông thôn huyện Trà Ôn

Chỉ tiêu	Thấp nhất	Cao nhất	Trung bình	Độ lệch
Tuổi của chủ hộ (năm)	22	65	40,2	9,5
Số lao động trong hộ (người)	2	8	3,1	1,3
Số người phụ thuộc (người)	0	4	1,5	0,9
Diện tích đất sản xuất (m^2)	0	32.000	4.265,2	5.464,4

Nguồn: Số liệu điều tra trực tiếp, 04/2011

Về diện tích đất sản xuất, hộ có diện tích cao nhất là 32.000 m^2 và thấp nhất là không có đất sản xuất. Đa số những người có nhiều ruộng đất là do "cha truyền con nối", còn đối với những hộ gia đình không có đất sản xuất thì phần lớn là các hộ nghèo, cận nghèo, các hộ này thường tham gia buôn bán nhỏ hoặc làm mướn thời vụ.

3.2. Việc làm và thu nhập của hộ gia đình ở nông thôn huyện Trà Ôn

Việc làm của lao động nông thôn Trà Ôn cũng khá phong phú và đa dạng, được chia thành nhiều ngành nghề khác nhau. Theo kết quả nghiên cứu, mặc dù sản xuất nông nghiệp mang lại thu nhập tương đối thấp so với các ngành nghề khác nhưng

phần đông hộ gia đình đều tham gia sản xuất nông nghiệp, chủ yếu là trồng lúa, cây ăn trái và chăn nuôi (chiếm 58%). Khoảng 20% số hộ kinh doanh thương mại dịch vụ, chủ yếu là buôn bán nhỏ. Số hộ làm cán bộ công chức, nhân viên văn phòng, công nhân cũng chiếm khoảng 12%. Cuối cùng là 10% hộ có nguồn thu nhập chủ yếu từ làm thuê theo thời vụ.

Trong số hộ được điều tra, có 24,5% hộ được tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng nghề, chẳng hạn như: trồng rau an toàn, phòng trừ dịch bệnh, kỹ thuật canh tác lúa, đan thảm lục bình, kết cườm,… Tuy nhiên, phần đông hộ gia đình cho rằng nhu cầu học tập chuyên môn, kỹ thuật còn rất lớn nhưng chưa được đáp ứng, chẳng hạn có đến 52% nông hộ có nhu cầu học nghề thuộc nhóm dịch vụ như: trang điểm, cắt uốn tóc, tin học, sửa xe gắn máy, điện tử… và 40,5% nông hộ có nguyện vọng học nghề thuộc nhóm tiểu thủ công nghiệp như: may gia đình, kết cườm, thêu, đan,… Còn lại là 7,5% nông hộ có nhu cầu được tham gia những lớp bồi dưỡng về kỹ thuật mới trong nông nghiệp: bảo vệ thực vật, kỹ thuật trồng lúa, cây ăn trái,… Thời gian nhàn rỗi của lao động nông thôn rất nhiều do đặc trưng của sản xuất nông nghiệp, nhiều hộ gia đình muốn tăng thêm thu nhập bằng cách làm thêm một số nghề tại chỗ phù hợp với điều kiện gia đình (có con nhỏ, phụ trách nội trợ) nên việc phát triển các khóa học thủ công mỹ nghệ là rất cần thiết. Qua đây, chính quyền địa phương cần xem xét để có những chính sách đào tạo hợp lý, đúng nguyện vọng của người dân để họ cải thiện thu nhập hiện tại.

Thu nhập chính của hộ gia đình ở nông thôn huyện Trà Ôn có được từ nhiều nguồn khác nhau: nông nghiệp (trồng lúa, trồng cây ăn trái, chăn nuôi…), thương mại-dịch vụ (buôn bán tạp hóa, quán nước, quán ăn…), cán bộ, công nhân viên, nhân viên văn phòng, công nhân và làm thuê thời vụ (lao động làm việc không thường xuyên và thu nhập không ổn định). Mức thu nhập trung bình của hộ gia đình thuộc nhóm nghề nông nghiệp khoảng 1.200.000 đồng/tháng, nhóm thương mại-dịch vụ khoảng 1.400.000 đồng/tháng, nhóm cán bộ công nhân viên khoảng 2.400.000 đồng/tháng và các nhóm nghề khác trung bình là 950.000 đồng/tháng. Nếu mỗi hộ gia đình có 4 nhân khẩu thì mức thu nhập trung bình của hộ gia đình còn khá thấp. Bên cạnh đó, vì phần đông hộ gia đình tham gia nhóm nghề nông nghiệp nên sự bấp bênh của thu nhập rất thường xảy ra, làm cho đời sống của hộ gia đình ở khu vực nông thôn còn nhiều khó khăn.

Bảng 4: Thu nhập của các hộ gia đình theo ngành, nghề

Đơn vị tính: đồng/tháng

Nhóm nghề	Thu nhập thấp nhất	Thu nhập cao nhất	Thu nhập trung bình	Độ lệch
Nông nghiệp	250.000	4.500.000	1.251.677	824.290
Thương mại, dịch vụ	250.000	4.000.000	1.414.914	889.170
Cán bộ, công nhân viên	500.000	6.500.000	2.413.938	1.440.462
Ngành nghề khác	80.000	3.000.000	950.630	728.765

Nguồn: Số liệu điều tra trực tiếp, 04/2011

Kết quả nghiên cứu còn cho thấy, tỷ lệ hộ gia đình có 2 hoạt động khác nhau tạo ra thu nhập là 28% và số hộ có 3 hoạt động khác nhau tạo thu nhập là 8%. Điều này cho thấy mức độ đang dạng hóa hoạt động tạo thu nhập của hộ gia đình khá tốt. Đây là dấu hiệu tích cực, cần nghiên cứu phát huy để tăng thu nhập cho hộ gia đình ở khu vực nông thôn.

3.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ ở khu vực nông thôn

Dựa vào mô hình hồi qui tuyến tính đa biến đã được thiết lập, sử dụng phần mềm SPSS để hỗ trợ phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập trung bình của hộ gia đình ở khu vực nông thôn huyện Trà Ôn, kết quả như sau:

Bảng 5: Kết quả phân tích hồi qui tuyến tính

Tiêu chí		Hệ số (B)	Std.Error	Hệ số Sig.
Hằng số (const)		12,082	0,569	0,000
LnNKHAU	X_1	-0,729	0,281	0,011
LnKNGHIEM	X_2	0,305	0,099	0,003
LnTUOILD	X_3	0,727	0,316	0,024
LnTDHVCH	X_4	0,505	0,191	0,010
LnHDTAOTN	X_5	0,511	0,258	0,051

Nguồn: Kết quả phân tích hồi qui từ số liệu điều tra, 04/2011

Kết quả phân tích mô hình hồi quy tuyến tính như sau: (1) Mức ý nghĩa quan sát Sig. rất nhỏ (Sig. = 0,00) cho thấy mức độ an toàn bác bỏ giả thuyết H_o, có nghĩa là tồn tại mối quan hệ tuyến tính giữa thu nhập bình quân của hộ gia đình (đo lường bằng thu nhập/người/tháng) với ít nhất một trong các yếu tố là biến độc lập, như vậy mô hình hồi qui tuyến tính được thiết lập phù hợp; (2) Giá trị R^2 điều chỉnh = 33,6% có nghĩa là 33,6% sự thay đổi của thu nhập hộ gia đình được giải thích bởi các biến số nhân khẩu, kinh nghiệm làm việc của chủ hộ, độ tuổi của lao động, trình độ học vấn của chủ hộ và số hoạt động tạo thu nhập của hộ. Hệ số Durbin-Watson của mô hình là 1,984, chứng tỏ mô hình không có hiện tượng tự tương quan (Mai Văn Nam, 2008). Bên cạnh đó, độ phóng đại phương sai (VIF) của các biến trong mô hình nhỏ hơn nhiều so với 10 nên ta kết luận các biến đưa vào mô hình không có hiện tượng đa cộng tuyến (Trọng và Ngọc, 2008).

Từ kết quả phân tích trên, phương trình hồi qui ước lượng các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập bình quân của hộ gia đình nông thôn huyện Trà Ôn như sau:

$$LnY = 12,082 - 0,729LnX_1 + 0,305LnX_2 + 0,727LnX_3 + 0,505LnX_4 + 0,511LnX_5$$

Dựa vào phương trình hồi qui cho thấy, trong 5 biến có ý nghĩa thống kê thì có 4 biến tác động cùng chiều với thu nhập bình quân của hộ gia đình và một biến nghịch chiều. Cụ thể, thu nhập bình quân của hộ gia đình nông thôn tương quan thuận với biến kinh nghiệm làm việc của chủ hộ, trình độ học vấn của chủ hộ, độ tuổi của lao động, số hoạt động tạo thu nhập và tương quan nghịch với số nhân khẩu trong hộ. Sự tác động của các biến được giải thích cụ thể như sau:

Biến số nhân khẩu trong hộ gia đình X_1 (NKHAU) có hệ số âm -0,729 có ý nghĩa ở mức 5%. Qua đó cho thấy, nếu số nhân khẩu của hộ càng tăng thì thu nhập/người/tháng của hộ sẽ càng giảm. Thực tế nghiên cứu cho thấy, một phần là do phần đông hộ sản xuất nông nghiệp để tạo thu nhập là chủ yếu vì thế trong điều kiện diện tích đất canh tác hạn chế việc tăng nhân khẩu thường làm giảm thu nhập bình quân của hộ. Bên cạnh đó, số người phụ thuộc trong hộ gia đình cũng là nguyên nhân ảnh hưởng trực tiếp làm giảm thu nhập

bình quân của hộ. Biến số kinh nghiệm làm việc của chủ hộ X_2 (KNGHIEM) có hệ số dương 0,305 ở mức ý nghĩa 5% cho thấy số năm kinh nghiệm làm việc của chủ hộ càng nhiều thì thu nhập bình quân của hộ sẽ càng tăng. Thực tế, có hơn 50% số hộ làm nông nghiệp cho nên kinh nghiệm sản xuất là yếu tố quan trọng quyết định đến năng suất lao động, từ đó nâng cao thu nhập bình quân của hộ gia đình khu vực nông thôn.

Tương tự, biến độ tuổi của lao động X_3 (DOTUOILD) có hệ số dương 0,727 có ý nghĩa ở mức 5% cho thấy, nếu độ tuổi của lao động càng cao thì thu nhập bình quân của hộ sẽ càng tăng. Điều này được giải thích thực tế là do hầu hết các hoạt động tạo thu nhập của lao động nông thôn là những việc chủ yếu sử dụng sức khỏe để tạo thu nhập, trong khi lao động của hộ gia đình nông thôn phần đông còn rất trẻ. Biến số trình độ học vấn của chủ hộ (TDHVCH) có hệ số 0,505 ở mức ý nghĩa 1% cho thấy, trình độ học vấn của chủ hộ tăng thì thu nhập/người/tháng của hộ sẽ cao hơn. Biến trình độ học vấn là biến quan trọng tác động đến thu nhập trung bình của hộ. Điều này cũng dễ hiểu vì những công việc có mức lương cao, luôn đòi hỏi trình độ học vấn và chuyên môn cao. Ngoài ra, nếu chủ hộ có trình độ học vấn cao, hiểu biết càng nhiều thì chủ hộ càng có điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận và áp dụng những tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất để tăng năng suất, tối thiểu hóa chi phí, từ đó mang lại hiệu quả tốt hơn. Biến số hoạt động tạo thu nhập X_5 (HOATDONG) có hệ số dương 0,511 ở mức ý nghĩa 10%, cho thấy nếu hộ có nhiều hoạt động tạo thu nhập thì thu nhập của hộ càng cao. Điều này phù hợp với nhiều nghiên cứu trước đây của các tác giả Vũ Ánh Tuyết (2007), Đinh Phi Hổ và Hoàng Thị Thu Hoàng (2010), Nguyễn Quốc Nghi (2011).

4. Kết luận và gợi ý chính sách

Nhìn chung, thu nhập chính của phần đông hộ gia đình ở khu vực nông thôn huyện Trà Ôn phụ thuộc vào nông nghiệp. Tuy mức độ đa dang hóa thu nhập của hộ gia đình đã được chú trọng nhưng do hạn chế về trình độ chuyên môn, tay nghề nên mức thu nhập/người/tháng của hộ gia đình còn khá thấp. Nhu cầu học nghề của hộ gia đình ở khu vực nông thôn còn rất lớn nhưng khả năng đáp ứng của các cơ quan chức năng còn rất khiêm tốt. Nghiên cứu còn cho thấy, thu nhập bình quân của hộ gia đình nông thôn chịu ảnh hưởng bởi các nhân tố: số nhân khẩu, kinh nghiệm làm việc của chủ hộ, độ tuổi của lao động, trình độ học vấn của chủ hộ và số hoạt động tạo thu nhập. Từ kết quả nghiên cứu trên, nhóm nghiên cứu gợi ý một số chính sách như sau:

Thứ nhất, nâng cao trình độ học vấn, trình độ chuyên môn cho lao động nông thôn. Trình độ học vấn, trình độ chuyên môn có tác động mạnh đến thu nhập của hộ gia đình chính vì thế việc nâng cao trình độ học vấn, trình độ chuyên môn sẽ góp phần tăng thu nhập cho hộ gia đình nông thôn. Từ đó, vấn đề cần đặt ra là tiếp tục nghiên cứu các chủ trương chính sách hỗ trợ, khuyến khích lao động nông thôn học tập, nâng cao trình độ. Bên cạnh các lớp tập huấn về khoa học kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, cần phát huy hợp tác công-tư (PPP) trong việc xã hội hóa các chương trình chuyển giao khoa học kỹ thuật cho nông hộ.

Thứ hai, khuyến khích đa dạng hóa các hoạt động tạo thu nhập cho hộ gia đình ở khu vực nông thôn. Cần tiếp tục phát triển các lớp thủ công mỹ nghệ để lao động nông thôn tận dụng thời gian nhàn rỗi, tạo thu nhập. Cũng cố và nâng cao chất lượng Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ, cần chú

trọng đào tạo theo nhu cầu thị trường và theo nguyện vọng của lao động nông thôn.

Thứ ba, tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi phù hợp. Địa phương cần tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp nông thôn và dịch vụ nông thôn để tạo giá trị gia tăng cho ngành nông nghiệp địa phương, đồng thời đa dạng hóa việc làm cho lao động nông thôn. Song song đó, địa phương cần định hướng những cây con có giá trị kinh tế cao cho người dân tham khảo. Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi cần chú ý đến tập quán canh tác của nông hộ, điều kiện khí hậu và đặc biệt là nhu cầu thị trường. Bên cạnh đó, công tác qui hoạch sản xuất cây con mũi nhọn của địa phương cũng cần phải tính đến.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Âu Vi Đức (2008), Phân tích hiệu quả sử dụng vốn vay của hộ nghèo tại tỉnh Hậu Giang. Luận văn thạc sĩ kinh tế, Khoa Kinh tế - QTKD, Trường Đại học Cần Thơ.
2. Chu Nguyễn Mộng Ngọc, Hoàng Trọng (2008), "Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS", NXB Thống kê.
3. Đinh Phi Hổ (2008), "Kinh tế học nông nghiệp bền vững", NXB Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh.
4. Đinh Phi Hổ và Hoàng Thị Thu Huyền (2010), Một số giải pháp nhằm nâng cao thu nhập của nông hộ vùng trung du ở tỉnh Phú Thọ. Tạp chí Phát triển Kinh tế, số 236-2010.
5. Đinh Phi Hổ và Huỳnh Sơn Vũ (2011), Sự thay đổi về thu nhập của người dân sau thu hồi đất để xây dựng khu công nghiệp: các yếu tố ảnh hưởng và gợi ý chính sách. Tạp chí Phát triển Kinh tế, số 249-2011.
6. Huỳnh Trường Huy và Ông Thế Vinh (2009), Phân tích thực trạng lao động nhập cư tại Khu công nghiệp Vĩnh Long. Tạp chí Quản lý Kinh tế, số 28-2009.
7. Mai Văn Nam (2009), Nghiên cứu phát triển ngành nghề của hộ nông dân chăn nuôi gia cầm tại ĐBSCL bị ảnh hưởng dịch cúm gia cầm. Đề tài nghiên cứu khoa học công nghiệp Cấp Bộ trọng điểm 2009.
8. Mai Văn Nam (2008), Kinh tế lượng (Econometrics), Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin.
9. Nguyễn Quốc Nghi và Bùi Văn Trịnh (2011), Các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của người dân tộc thiểu số ở ĐBSCL, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. Số 18a-2011.
10. Vũ Ánh Tuyết (2007), Thực trạng đa dạnh hóa thu nhập của nông hộ tại Quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Luận văn thạc sĩ kinh tế, Khoa Kinh tế - QTKD, Trường Đại học Cần Thơ.